

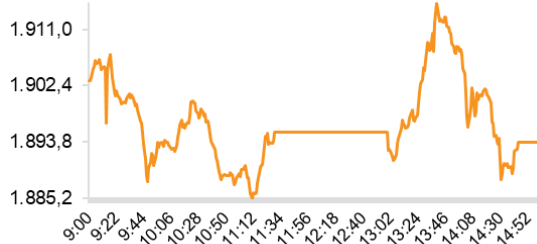
KHOÍ PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ VNDIRECT
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

📍 Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội
☎ +84 2439724568
✉ Research@vndirect.com.vn
🌐 vndirect.com.vn

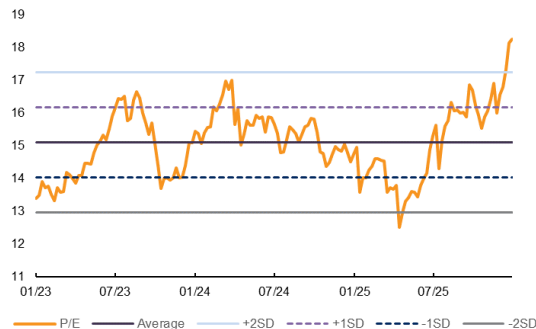
Chỉ số	HOSE	HNX	UPCOM
Giá đóng cửa (điểm)	1.893,8	253,1	126,6
1 ngày (%)	-0,1	-0,7	0,2
1 tháng (%)	11,1	-0,3	6,0
Từ 2026	6,1	1,7	4,6
1 Năm (%)	51,6	14,2	36,4
Vốn hóa (nghìn tỷ VND)	8.816	407	677
Thanh khoản khớp lệnh (nghìn tỷ VN)	2,3	2,0	1,3
Số mã tăng	106	56	153
Số mã giảm	185	99	141
Số mã tham chiếu	104	143	476

Nguồn: Bloomberg

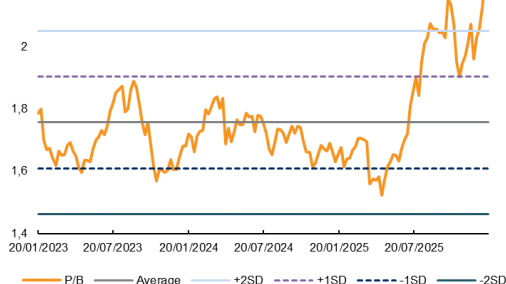
Diễn biến của VN-Index trong phiên



PE của VN-Index



P/B của VN-Index



Thị trường chứng khoán

Áp lực cuối phiên khiến Vn-index lại lỡ hẹn với vùng 1.900 điểm

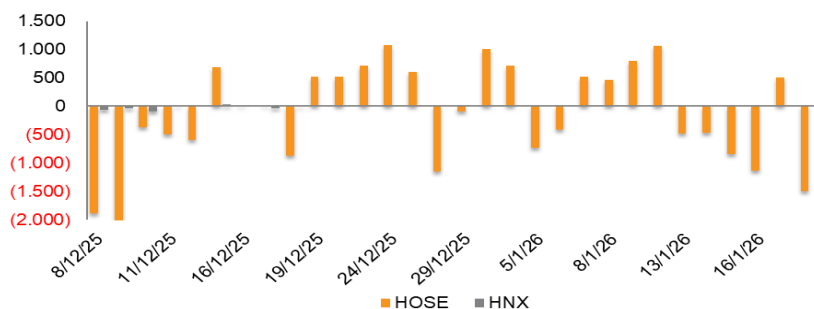
Sắc đỏ chiếm ưu thế trong phiên sáng và cuối phiên chiều, phản ánh áp lực chốt lời ở nhóm vốn hóa lớn trong khi dòng tiền vẫn chọn lọc vào một số cổ phiếu có câu chuyện tăng trưởng. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index đóng cửa tại 1.893,78 điểm, giảm 2,81 điểm (-0,15%). Độ rộng nghiêng về tiêu cực khi ghi nhận 149 cổ phiếu tăng và 180 cổ phiếu giảm điểm;

Chỉ số VN30 đóng cửa tại 2.085,61 điểm, giảm 8,63 điểm (-0,41%); nhóm VN30 ghi nhận 12 cổ phiếu tăng và 18 cổ phiếu giảm, cho thấy áp lực chốt lời ở cổ phiếu vốn hóa lớn đã xuất hiện khi nhiều cổ phiếu như PLX, GVR và VNM không thể giữ được mức giá trần. Xét về dòng tiền, dòng tiền tập trung chọn lọc vào một số ngành có câu chuyện riêng, dẫn đầu vẫn là Viễn thông (+6,97%), tiếp theo là Hóa chất (+1,32%) và Dầu khí (+1,24%). Ngược lại, các ngành chịu áp lực bán bao gồm Công nghệ (-1,35%), Dịch vụ tài chính (-0,90%), và Bất động sản (-0,82%).

Thanh khoản khớp lệnh trên sàn HOSE đạt 32.977 tỷ đồng, tăng 24,55% so với phiên trước và cao hơn ngưỡng trung bình của 20 phiên gần nhất. Thị trường ghi nhận thanh khoản gia tăng nhưng độ rộng và mức độ lan tỏa của dòng tiền vẫn hạn chế; lực cầu tập trung chọn lọc vào một số cổ phiếu dẫn dắt, trong khi nhiều mã lớn chịu áp lực chốt lời. Điều này phản ánh tâm lý thận trọng của nhà đầu tư và xu hướng phân bổ vốn có chọn lọc. Do đó, nhà đầu tư nên duy trì kỷ luật quản trị rủi ro và tránh hành động mua đuổi. Trong bối cảnh này, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư cân nhắc việc chốt lời từng phần và chờ đợi cơ hội mua khi thị trường có lực cầu quay trở lại. Đối với nhà đầu tư nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu cao: 1) Giữ lại phần danh mục chất lượng có nền tảng lợi nhuận tốt và vị thế tài chính lành mạnh để tận dụng nhịp hồi kỹ thuật. 2) Không mua đuổi trong phiên phục hồi yếu ớt; chỉ xem xét mua lại khi thị trường điều chỉnh rõ rệt và có dấu hiệu ổn định quanh vùng hỗ trợ đã xác định. Đối với nhà đầu tư nắm giữ tỷ trọng tiền mặt cao: 1) Ưu tiên mua trong nhịp điều chỉnh để giảm rủi ro thời điểm; chia nhỏ lệnh mua theo từng nhịp giảm để trung bình giá vào danh mục. 2) Tập trung chọn cổ phiếu cơ bản: doanh nghiệp có lợi nhuận ổn định, dòng tiền kinh doanh tốt và thanh khoản tương đối; tránh mua vào các cổ phiếu có thông tin cơ bản yếu hoặc thanh khoản thấp.

Ngành	Tỷ trọng VN-Index (%)	P/E	P/B	Thay đổi (%)				% thay đổi khối lượng 1 ngày
				1 ngày	1 tháng	Từ 2026	1 Năm	
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	4,5	178,3	4,2	-1,3	2,7	-0,2	30,8	68,3
Hàng tiêu dùng thiết yếu	5,4	27,2	3,3	1,7	7,5	9,1	20,6	74,3
Năng lượng	2,4	37,8	2,1	1,8	40,7	39,1	48,1	13,5
Tài chính	39,6	12,8	2,0	0,2	14,7	12,4	41,0	61,0
Chăm sóc sức khỏe	0,5	25,3	2,6	-1,1	5,5	2,6	9,0	20,6
Công nghiệp	7,6	37,7	5,5	-0,3	4,4	1,2	115,4	29,8
Công nghệ thông tin	2,3	19,8	4,7	-1,4	11,3	9,5	-17,1	-1,2
Vật liệu xây dựng	5,8	17,9	1,9	0,0	16,3	17,1	21,5	22,1
Bất động sản	24,8	92,0	5,8	-0,8	10,3	-2,6	455,6	79,8
Dịch vụ tiện ích	4,5	20,4	3,1	-0,8	43,3	30,7	43,8	18,1

Mua/(bán) ròng khối ngoại (tỷ vnd)



Điểm tin

Tin vĩ mô thế giới

- Ngân hàng Thế giới cảnh báo rằng thập kỷ 2020s có thể là giai đoạn tăng trưởng yếu nhất kể từ thập niên 1960. Nguyên nhân chính là do năng suất lao động toàn cầu giảm, đầu tư hạn chế và chính sách thương mại bảo hộ. WB nhấn mạnh rằng nếu không có cải cách mạnh mẽ về giáo dục, hạ tầng và công nghệ, nhiều nền kinh tế sẽ rơi vào tình trạng trì trệ dài hạn. Báo cáo cũng chỉ ra rằng các nền kinh tế mới nổi cần tận dụng cơ hội từ chuyển đổi số và năng lượng xanh để duy trì tăng trưởng.

Tin vĩ mô trong nước

- Trong bài phát biểu tại Đại hội Đảng lần thứ 14 ngày 19/01/2026, Tổng Bí thư Tô Lâm khẳng định Việt Nam sẽ duy trì tốc độ tăng trưởng GDP trên 10% mỗi năm đến cuối thập kỷ. Ông nhấn mạnh ba trụ cột chiến lược: thu hút vốn FDI, thúc đẩy chuyển đổi số và tận dụng các hiệp định thương mại tự do như EVFTA, CPTPP. Chính phủ cũng đặt mục tiêu cải thiện năng suất lao động, phát triển hạ tầng xanh và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.
- Đúng 8 giờ sáng ngày 20/1/2026, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng Cộng sản Việt Nam khai mạc trọng thể tại Trung tâm Hội nghị Quốc gia (Hà Nội) với sự tham dự của 1.586 đại biểu, đại diện cho hơn 5,6 triệu đảng viên trong toàn Đảng.
- Bộ Xây dựng đề xuất 6 nhóm chính sách nhằm tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách trong lĩnh vực hàng hải, giao thông đường thủy nội địa; thực hiện cam kết của Việt Nam với cộng đồng quốc tế; xử lý dứt điểm tình trạng đan xen giữa 2 lĩnh vực hàng hải và đường thủy nội địa.

Tin ngành và doanh nghiệp

- MCH – Masan Consumer tăng vốn điều lệ, chi cổ tức tiền mặt 25% năm 2025:** Masan Consumer (MCH) đã hoàn tất phát hành gần 237,8 triệu cổ phiếu từ nguồn vốn thặng dư, qua đó tăng vốn điều lệ từ 10.676 tỷ đồng lên 12.945 tỷ đồng (tương ứng từ khoảng 406 triệu USD lên 492 triệu USD). Động thái này giúp củng cố nền tảng vốn, nâng cao năng lực tài chính để phục vụ chiến lược tăng trưởng dài hạn.
- VNM – Vinamilk bứt phá lên đỉnh 5 năm, triển vọng tăng trưởng 2026 rõ nét:** Vinamilk (VNM) ghi nhận diễn biến tích cực khi thị giá tăng gần 23% từ đầu năm, có thời điểm chạm vùng đỉnh 5 năm (~75.500 đồng/cp), đưa vốn hóa vượt 156–157 nghìn tỷ đồng. Động lực ngắn hạn đến từ câu chuyện tái cơ cấu cổ đông Nhà nước và dòng tiền quay lại nhóm cổ phiếu phòng thủ – tiêu dùng thiết yếu.
- VDS – Chứng khoán Rồng Việt duy trì tăng trưởng bền vững, đẩy mạnh vốn và ESG:** Năm 2025, Công ty Chứng khoán Rồng Việt (VDS) dự kiến ghi nhận doanh thu 1.054 tỷ đồng (~40,04 triệu USD) và lợi nhuận trước thuế 351 tỷ đồng (~13,34 triệu USD), phản ánh hiệu quả hoạt động ổn định trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động.
- VPX – VPBankS bứt phá lợi nhuận, quy mô tài sản tăng mạnh năm 2025:** Năm 2025, VPBank Securities (VPX) ghi nhận lợi nhuận trước thuế 4.476 tỷ đồng (~170 triệu USD), gần gấp 4 lần so với năm trước và vượt kế hoạch đề ra. Kết quả này đến từ sự bứt tốc đồng loạt ở các mảng kinh doanh có biên lợi nhuận cao. Doanh thu đạt 7.910 tỷ đồng (~301 triệu USD), tăng gấp 3 lần YoY, phản ánh quy mô hoạt động mở rộng nhanh và hiệu quả khai thác thị trường được cải thiện rõ rệt. Động lực tăng trưởng chính đến từ ngân hàng đầu tư, môi giới chứng khoán, giao dịch tự doanh cùng các mảng tạo biên lợi nhuận cao, trong bối cảnh thanh khoản thị trường hồi phục và nhu cầu dịch vụ tài chính gia tăng.
- VPB – VPBank: Lợi nhuận 2025 bứt phá, củng cố nền tảng vốn và mở rộng hệ sinh thái:** Trong năm 2025, VPBank (VPB) ghi nhận kết quả kinh doanh tích cực với quy mô và lợi nhuận tăng mạnh, cho thấy ngân hàng đang củng cố vị thế trong nhóm dẫn đầu khối ngân hàng tư nhân. Tổng tài sản đạt khoảng 1,26 triệu tỷ đồng (tương đương 47,9 tỷ USD). Lợi nhuận trước thuế đạt 30,6 nghìn tỷ đồng (khoảng 1,16 tỷ USD), tăng 53% so với cùng kỳ. Hoàn thành 111% kế hoạch năm, phản ánh hiệu quả vận hành và khả năng bám sát mục tiêu tăng trưởng. Chất lượng tài sản cải thiện, với nợ xấu giảm xuống dưới 3%.

Thị trường tiền tệ và hàng hoá

- Chỉ số USD giảm xuống dưới 99 vào thứ Ba do căng thẳng giữa Washington và châu Âu liên quan đến đề xuất của Tổng thống Trump về việc mua Greenland làm suy yếu tâm lý đối với tài sản Mỹ. Ông Trump cảnh báo tám quốc gia châu Âu phản đối kế hoạch này có thể chịu thuế 10% từ ngày 1 tháng 2, tăng lên 25% từ ngày 1 tháng 6 nếu không đạt thỏa thuận. Châu Âu bác bỏ tuyên bố và cân nhắc các biện pháp đáp trả. Khu vực này đang nắm 10 nghìn tỷ USD trái phiếu và cổ phiếu Mỹ, có thể trở thành điểm gây sức ép nếu tranh chấp leo thang. Nhà đầu tư theo dõi loạt dữ liệu Mỹ sẽ công bố trong tuần, gồm chỉ số giá PCE, ước tính khác cho GDP Q3 và S&P PMI.
- Tỷ giá USD/VND giảm nhẹ xuống 26.261, tương ứng đồng VND đã tăng giá khoảng 0,14% so với đầu năm.
- Diễn biến lãi suất liên ngân hàng tiếp tục duy trì tương đối ổn định tại 3,35% cho kỳ hạn qua đêm và 4,35% cho kỳ hạn 1 tuần.

Thị trường tiền tệ	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 Năm
Lợi suất TPCP Việt Nam 5 năm (%/năm)	3,62	-0,7	12,1	11,2	51,3
Lãi suất liên ngân hàng qua đêm (%/ni)	3,35	-14,1	-24,7	103,0	-29,5
Lãi suất liên ngân hàng 1 tháng (%/năm)	7,45	1,2	3,0	-9,7	50,5
USD/VND	26.261	0,0	0,3	0,1	-3,6
DXY	98,48	-0,9	-0,1	0,2	-9,9
Lợi suất TPCP Mỹ 10 năm (%/năm)	4,28	1,4	3,3	2,8	-7,4
Lợi suất TPCP Mỹ 3 năm (%/năm)	3,66	0,1	3,7	3,3	-15,9

Thị trường hàng hóa	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 năm
Vàng (USD/oz)	4.739,40	3,1	8,7	9,2	72,4
Xăng Ron 95 (USD/l) 1 th	59,57	0,2	5,1	3,7	-23,5
Dầu Brent (USD/b) 1 thân	63,94	0,0	5,7	5,1	-20,2
Thép (USD/tấn)	468,5	-0,1	0,8	0,2	-6,6
Thịt heo (USD/kg)	1,9	0,1	13,4	5,2	-13,8
Gạo (USD/tấn)	479,2	-0,3	8,0	10,1	-28,6
Phân urea (USD/tấn)	374,5	1,6	10,1	9,3	18,0

Lịch sự kiện quan trọng trong tuần

Ngày	Quốc gia	Thông tin công bố
Thứ Hai 19/01/2026	Trung Quốc	Các số liệu vĩ mô quý 4.2025 và tháng 12.2025
	EU	Chỉ số giá tiêu dùng tháng 12.2025
Thứ Ba 20/01/2026	Trung Quốc	Cuộc họp chính sách và quyết định lãi suất kỳ họp tháng 1.2026 của Ngân hàng TW Trung Quốc
Thứ Năm 22/01/2026	Mỹ	Chỉ số chi tiêu tiêu dùng cá nhân (PCE) tháng 11.2025

Danh mục cổ phiếu theo dõi

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Hàng không										
ACV	8.376	3,4	3.918	61.400	73.300	20,3%	0,9%	20,7	3,3	17%
AST	124	0,0	5	72.600	85.400	21,1%	3,4%	14,4	5,1	38%
HVN	3.448	1,6	734	29.100	43.400	51,3%	2,1%	9,7	16,2	
VJC	3.749	16,1	856	181.800	113.600	-37,0%	0,6%	62,6	4,4	8%
Bán lẻ										
BAF	451	3,2	208	38.950	37.200	-4,5%		21,2	2,8	13%
DGW	395	3,1	106	46.900	49.600	6,8%	1,1%	19,4	3,2	17%
FRT	991	3,1	168	152.800	150.300	-1,4%	0,2%	42,2	8,4	25%
MCH	7.990	3,7	2.782	161.800	147.000	-7,9%	1,3%	30,0	13,1	44%
MWG	4.842	21,3	53	86.000	96.300	13,1%	1,2%	21,8	4,0	20%
PNJ	1.454	2,8	3	111.900	109.900	-0,9%	0,9%	16,8	3,2	21%
QNS	659	0,2	268	47.100	53.400	15,5%	2,1%	7,7	1,5	20%
SAB	2.554	3,1	1.062	52.300	59.900	18,4%	3,8%	15,9	3,0	18%
VHC	538	2,3	432	63.000	71.300	16,3%	3,2%	9,1	1,4	17%
VNM	5.841	13,2	2.891	73.400	74.800	5,8%	3,9%	19,8	4,5	24%
Tài chính										
ACB	4.900	10,2	79	25.050	31.300	28,4%	3,5%	7,4	1,4	20%
BID	14.224	8,0	1.802	53.200	47.200	-10,4%	0,8%	14,1	2,3	18%
CTG	11.727	18,9	2.080	39.650	49.000	24,4%	0,8%	9,2	1,8	22%
HDB	5.518	22,2	214	28.950	34.900	22,8%	2,2%	9,0	2,0	25%
LPB	4.817	3,9	201	42.350	33.400	-15,2%	5,9%	12,2	2,9	25%
MBB	8.404	26,9	123	27.400	32.900	21,9%	1,8%	9,1	1,7	21%
STB	4.171	22,4	678	58.100	45.700	-20,3%	1,1%	8,9	1,7	22%
TCB	9.701	17,8	0	35.950	40.300	14,9%	2,8%	11,6	1,5	14%
TPB	1.843	6,7	94	17.450	17.800	7,5%	5,5%	7,4	1,2	17%



Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VCB	23.386	15,1	1.993	73.500	69.300	-5,1%	0,6%	17,5	2,8	17%
VIB	2.340	4,3	0	18.050	23.600	34,1%	3,4%	8,1	1,4	18%
VPB	8.988	23,9	456	29.750	37.100	26,4%	1,7%	9,8	1,4	15%

Dệt may

MSH	154	0,7	67	35.900	40.600	24,2%	11,1%	7,0	1,9	28%
TCM	118	1,4	2	27.750	29.800	9,2%	1,8%	12,1	1,3	11%

Khu công nghiệp

BCM	3.153	1,4	1.015	80.000	68.600	-13,0%	1,3%	22,6	3,9	18%
GMD	1.108	3,8	96	68.200	72.000	8,5%	2,9%	22,3	2,3	12%
HAH	395	5,1	90	61.500	55.400	-8,7%	1,3%	8,9	2,5	31%
VSC	332	7,8	155	23.300	19.100	-15,9%	2,1%	19,3	1,6	9%
IDC	643	3,5	240	44.500	45.600	5,8%	3,4%	9,2	2,6	31%
KBC	1.350	6,0	523	37.650	30.000	-19,3%	1,0%	20,1	1,5	7%
PHR	341	1,0	122	66.000	68.400	5,7%	2,0%	13,3	2,2	17%
VTP	582	3,7	256	125.500	129.200	3,8%	0,9%	51,8	8,7	18%

Tài nguyên cơ bản

DGC	933	12,0	403	64.500	128.300	103,6%	4,7%	8,3	1,6	20%
HPG	7.965	35,2	2.303	27.250	30.000	11,2%	1,1%	14,5	1,7	12%

Dầu khí

BSR	3.956	8,1	1.890	20.750	16.700	-17,4%	2,1%	50,2	1,8	4%
GAS	9.602	5,4	4.496	104.500	78.400	-23,0%	2,0%	20,8	3,9	20%
OIL	587	1,1	35	14.900	14.800	1,0%	1,7%	47,2	1,5	3%
PLX	2.855	5,8	140	59.000	47.700	-17,1%	2,0%	30,1	2,9	10%
PVD	603	9,1	230	28.500	32.600	23,2%	8,8%	17,6	0,9	6%
PVS	748	8,2	256	38.400	41.800	10,6%	1,7%	13,5	1,4	11%
PVT	363	2,9	140	20.300	23.400	16,4%	1,1%	9,7	1,1	12%

Phân bón - Hóa chất

DPM	629	3,5	290	24.300	22.700	-3,0%	3,6%	21,3	1,5	7%
-----	-----	-----	-----	--------	--------	-------	------	------	-----	----

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
DCM	710	2,8	321	35.200	40.000	19,3%	5,7%	10,7	1,8	17%
DDV	156	1,3	72	28.100	39.700	44,5%	3,2%	24,4	2,3	10%
PLC	101	0,2	48	32.700	34.100	5,8%	1,5%	22,2	2,0	9%
Điện										
POW	1.671	5,5	753	14.300	14.400	1,9%	1,2%	21,3	1,2	6%
Điện và BĐS										
HDG	373	3,0	113	26.450	37.400	43,0%	1,6%	28,2	1,5	5%
PC1	373	3,2	136	23.800	26.500			19,6	1,6	9%
REE	1.295	1,1	0	62.800	76.600	23,4%	1,4%	13,1	1,7	13%
Bất động sản										
DXG	654	10,9	166	15.450	18.300	31,4%	12,9%	37,9	1,3	3%
KDH	1.252	7,6	280	29.300	41.800	43,7%	1,0%	36,7	1,8	5%
NLG	565	3,0	36	30.600	42.200	39,4%	1,5%	15,9	1,3	9%
VHM	19.238	28,6	7.972	123.000	93.600			19,3	2,3	13%
VRE	2.695	14,8	955	31.150	32.000	6,1%	3,4%	14,5	1,5	11%
Công nghệ										
FPT	6.753	31,0	645	104.100	118.200	14,5%	1,0%	19,7	5,0	27%

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Phân Tích & Tư Vấn Đầu Tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo này, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của VNDIRECT, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

Hội sở

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

ĐT: +84 24 3972 4568

Fax: +84 24 3972 4568

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tòa nhà 90 Pasteur,
Phường Sài Gòn, TP. HCM

ĐT: +84 28 7300 0688

Fax: +84 28 3914 6924

Chi nhánh Đà Nẵng

57 Duy Tân,
Phường Hoa Cường, Đà Nẵng

ĐT: +84 511 382 1111

Fax: NA

Chi nhánh Vinh – Nghệ An

204, tờ bản đồ số 01, khối Yên Vinh,
Phường Trường Vinh, Nghệ An

ĐT: +84 23 8730 2886

Fax: NA

Chi nhánh Cần Thơ

Tầng 3 Tòa nhà STS, 11B Hòa Bình,
Phường Ninh Kiều, Cần Thơ

ĐT: +84 710 3766 959

Fax: NA

Chi nhánh Quảng Ninh

Tầng 1, 2, 3, Khu CC Việt Hàn,
Phường Hồng Gai, Quảng Ninh

ĐT: +84 98 8619 695

Fax: NA

Chi nhánh Thanh Hoá

Tầng 2, số 11 Hạc Thành
Phường Hạc Thành, Thanh Hóa

ĐT: +84 90 3255 202

Fax: NA

Chi nhánh Bình Dương

Tầng 1, 280 đường 30/04, Khu 03,
Phường Thủ Dầu Một, TP. HCM

ĐT: +84 27 4222 2659

Fax: +84 27 4222 2660

Chi nhánh Nam Định

88-90 Phạm Sư Mạnh,
Phường Nam Định, Ninh Bình

ĐT: +84 22 8352 8819

Fax: NA